

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 02 - 2021.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Thành Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Anh.

2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị X.

HKTT: Ấp 3, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang

Chỗ ở hiện nay: Ấp 11, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn M.

Cư trú: Ấp 3, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Đặng Hoàng N

3.2. Bà Nguyễn Thị L

Cùng cư trú: Ấp 3, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2006, chị Lê Thị X và anh Đặng Văn M do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là thị trấn V), huyện L, tỉnh Hậu Giang vào ngày 12/01/2006. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, anh M thường xuyên không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau nhưng không thành. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị X và anh M đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2020 cho đến nay. Nay chị X yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện, chị X khai có tài sản chung và yêu cầu chia đôi. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị X xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại biên bản ghi lời khai anh Đặng Văn M trình bày: Anh M không đồng ý ly hôn với chị X. Ngoài ra, anh M không yêu cầu gì thêm. Tại phiên tòa anh M vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hoàng N và bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên tòa án không tiến hành ghi nhận được lời trình bày của ông N và bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn Đặng Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Hoàng N và Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh M, ông N và bà L.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị X, cho ly hôn giữa chị X và anh M; Về con chung không có nên không xem xét; Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị X. Về nợ chung không có nên không xem xét; án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[1.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị X đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy việc rút lại yêu cầu chia tài sản chung là sự tự nguyện của chị X. Căn cứ theo quy định tại Điều 5 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị X.

[1.3]. Bị đơn Đặng Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Hoàng N, Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Mộng, ông Nam và bà Lan nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của anh M, ông N và bà L theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Đối với quan hệ hôn nhân, chị X và anh M tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là thị trấn V), huyện L, tỉnh Hậu Giang theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị X và anh M phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị X cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh M không thể hàn gắn, chị X không còn tình cảm đối với anh M và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Mộng.

Chị X và anh M đã ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay nhưng anh chị không thể tự hàn gắn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập chị X và anh M để hòa giải, động viên anh chị đoàn tụ nhưng anh M vắng mặt không có lý do. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị X và anh M thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng chị X và anh M không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà chị X yêu cầu xin ly hôn với anh M là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, chị X vẫn cương quyết xin ly hôn với anh M nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X. Cho chị X và anh M được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị X.

[2.4]. Về nợ chung: Chị X khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị X phải nộp 300.000 đồng.

[3.2]. Về án phí chia tài sản chung: Chị X được nhận lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp là 4.312.500 đồng theo lai thu số 0001994 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ.

Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227, 228, 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị X đối với anh Đặng Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị X và anh Đặng Văn M.
2. Về con chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Lê Thị X.

4. Về nợ chung: Chị X khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị X phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp theo lai thu số 0001993 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5.2. Về án phí chia tài sản chung: Chị X được nhận lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp là 4.312.500 đồng theo lai thu số 0001994 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/02/2021). Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- VKSND huyện Long Mỹ;
- THADS huyện Long Mỹ;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND thị trấn Vĩnh Viễn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lữ Thành Đồng